

Bài Thơ Con Cóc

*Con cóc trong hang,
Con cóc nhảy ra.
Con cóc nhảy ra,
Con cóc ngồi đó,
Con cóc ngồi đó,
Con cóc nhảy đi.*

Bài thơ con cóc có nhiều ý kiến khác nhau về nội dung. Nhưng chúng tôi chỉ nói về “cái nhìn”, “cái thấy”, cách nhìn của người nông dân Việt Nam ngày xưa qua nội dung bài thơ.

Bài thơ diễn tả cách nhìn mọi cảm giác, mọi suy nghĩ, mọi phản ứng tâm lý (giận, sợ hãi, lo âu, vui, buồn, v.v...), mọi hiện tượng, mọi sự việc, v.v...; nó như thế nào, thấy y như vậy (1). Nó như vậy thì thấy như vậy, không thêm, không bớt, không chọn lựa, không đánh giá, không so sánh, không phê phán, không lẫn tránh, không tưởng tượng thế này hay thế kia, không đặt quan niệm, thành kiến của mình lên trên cái thấy, sự nhận biết.

Nói một cách ngắn gọn thấy, nhận biết, **ghi nhận không phê phán**, không chọn lựa, không so sánh và không can thiệp vào cái thấy, sự nhận biết. Ngôn từ ngày nay gọi là đơn thuần quan sát. Nhà Phật gọi là “**thấy như thực thấy**” hoặc “**thây như thị**” (2). Ông cha chúng ta không đặt tên **cái thấy trực tiếp đơn thuần đó**: nó như vậy thì thấy như vậy, cũng không hệ thống hóa nó qua chữ nghĩa. Đặt tên, chữ nghĩa hóa “cái thấy”, khiến người ta chạy theo chữ nghĩa chứ không sống thực với cái đang xảy ra (thực tại), cái thấy đó.

Bài thơ con cóc diễn tả cách thấy “cái đang xảy ra như vậy là thấy như vậy”, một cách đơn giản trực tiếp, mộc mạc (của người thôn quê), cụ thể **gọi hình**, linh động rất gần với sự thực, đi thẳng vào lòng người.

Thấy con cóc trong hang, con cóc nhảy ra, nhận biết, ghi nhận cái đang xảy ra trước mắt (con cóc nhảy ra), một cách trung thực khách quan. Con cóc nhảy ra là sự việc đang xảy ra trước mắt (cái đang là, thực tại, cái hiện tiền). Câu thứ 3 lặp lại “con cóc nhảy ra” một lần nữa, với ý nghĩa trong cái thấy con cóc nhảy ra, chỉ ghi nhận sự việc đang xảy ra (con cóc nhảy ra), không phê phán, không đánh giá, không chọn lựa, không so sánh, không đặt quan niệm, thành kiến của mình lên sự ghi nhận, sự nhận biết.

Vừa ghi nhận sự việc con cóc nhảy ra, lập tức sự việc con cóc nhảy ra đã trở thành quá khứ, con cóc ngồi đó là sự việc đang xảy ra trước mắt (là thực tại, là cái hiện tiền), ghi nhận con cóc ngồi đó. Câu thứ 5 lặp lại “con cóc ngồi đó” để nhắc nhở chúng ta chỉ ghi nhận con cóc ngồi đó, không phê phán, không đánh giá, không chọn lựa cũng không so sánh. Sự kiện xảy ra trước mắt như thế nào, thấy y như vậy. Không thêm bớt một hình ảnh nào, không có cảnh mặt trời chiều hay bầu trời buổi sáng mùa thu hoặc buổi trưa mùa hè nóng bức, không linh động hóa cảnh vật mà chỉ kể lại một cách cụ thể, chính xác, rõ ràng; **chỉ ghi nhận chuyện đang xảy ra trước mắt**. Không tưởng tượng, không phê phán, (tức không nói thầm trong đầu) không can thiệp vào cái thấy. Không bận tâm đến “**nguồn gốc**” của con cóc, và cũng không để tâm đến việc con cóc “**nhảy đi đâu**”. Nó nhảy đi biết nó nhảy đi, thế thôi. Nguồn gốc và sự kiện con cóc nhảy đi đâu **không phải là việc đang xảy ra trước mắt**.

Bài thơ con cóc nhắc nhở người nông dân Việt phải biết vận dụng sự ghi nhận trực tiếp đơn thuần (nó như vậy thì thấy như vậy) cho mọi đối tượng, mọi ý nghĩ, mọi tư tưởng, mọi phản ứng tâm

lý (giận, lo âu, sợ hãi... tất cả những gì khởi ra lên trong tâm), mọi trạng thái, mọi hoàn cảnh, mọi việc xảy ra chung quanh chúng ta. Hãy nhìn các thứ đó như nhìn con cóc. Sống trọn vẹn với cuộc sống, với cái đang xảy ra trước mắt trong từng giây phút. Chính cái thấy trực tiếp đơn thuần “việc đang xảy ra như thế nào thấy y như vậy” đã xây dựng nếp sống thuận lý theo thiên nhiên (*trông cơ trời đất liệu thời làm ăn*). Vận dụng “**cái dụng**” của cái đang xảy ra, thích nghi thích ứng vào cuộc sống ngay tại đây và bây giờ. Chẳng hạn, thấy **cơn đàng Đông** (cái đang xảy ra), chấp nhận không mong cầu gió thổi mây đi nơi khác, chắc chắn mưa sẽ đến, thu dọn công việc (liệu thời làm ăn) **vừa trông vừa chạy**.

Từ cái thấy thực tại như vậy thì thấy nó như vậy, ông cha chúng ta đã xây dựng nếp sống thuận lý theo thiên nhiên, sống trọn vẹn với cuộc sống (với cái đang xảy ra), “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình”, và cùng tiến trong tính người và tình người, ngay tại đây và bây giờ, không kêu cầu đến tín ngưỡng, tôn giáo, ý thức hệ.

Chính tiến trình canh tác và sự phức tạp của kỹ thuật trồng lúa nước đã hun đúc xây dựng cho nông dân Việt Nam cách thấy thực tại như vậy thì thấy y như vậy **trong nếp sống tình thức tự nhiên** trong cuộc sống hằng ngày, chứ không phải do kinh điển hay người đắc đạo nào đó chỉ dạy. Thuận lý theo thiên nhiên sống trọn vẹn với cuộc sống, với cái đang xảy ra trước mắt trong tính người và tình người là sống đạo, ngoài ra không có đạo nào khác.

Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org

GHI CHÚ:

1. Mọi hoàn cảnh trở nên vui hay buồn là tùy lòng người nhận thức.

Thông thường thấy là mắt thấy với sự có mặt của ý thức hay nói là lòng nhìn sự vật qua mắt.

Nội dung và tác dụng của cái thấy tác động đến người thấy và vật bị thấy.

Phải chăng thế giới chúng ta đang sống chỉ là hiện hữu của cái thấy mà không phải là thế giới chính nó đang là?

Trong quyển *Những Hạt Sương*, Thích Chơn Thiện cho rằng cái nhìn không đơn thuần là một quá trình vật lý, mà là một chuỗi quá trình vật lý và tâm lý tiếp nối nhau: Quá trình vật lý → nhận biết → nhận biết về sự nhận biết ấy....

Trong quá trình của tâm lý và vật lý ấy xuất hiện những tâm lý buồn, vui, ưa, ghét...

Carl Jung một nhà tâm lý học cuối thế kỷ XX đã nói: Bao giờ cái nhìn của bạn cũng bị giới hạn bởi những gì bạn đang có và đang là....

Quả thật, trước một sự vật, mỗi người có cái nhìn riêng và bị đóng khung trong điều kiện vật lý, tâm lý, sinh lý, kiến thức, tập quán, thành kiến và trí tuệ của mình. Văn hóa của thời đại cũng góp phần vào sự giới hạn.

Chính nhiều cái thấy giới hạn (duy tâm hoặc duy vật, nghiêng lệch, thấy với định kiến, thấy của gà què ăn quần cối xay", kiến bò miệng chén) đã dẫn đến các triết thuyết, chủ nghĩa, ý thức hệ khác nhau, với những hệ lụy của chúng đưa đến những tai hại khủng khiếp cho loài người.

Cái thấy đem lại hài hòa hạnh phúc, an vui, đồng thời nó cũng tạo ra mâu thuẫn, xung đột, khổ đau, chiến tranh.

Cùng một sự việc, một hiện tượng mà mỗi người có cái thấy riêng biệt. Chẳng hạn "lá vàng rơi" người nghệ sĩ, triết gia, nhà thơ, nhà khoa học, thầy tu...có cái thấy khác nhau.

Người ta nhìn thấy sự việc, hiện tượng qua cái tôi chủ quan, với những hệ lụy của nó.

Các nhà chính trị đều thấy tương lai đất nước họ, cũng như tương lai của thế giới; các vị giáo chủ của các tôn giáo đều thấy vũ trụ con người vạn vật, nhưng tùy theo môi trường sống tùy theo văn hóa, mức độ lý trí và trí tuệ mà mỗi vị có cái nhìn khác nhau.

Thực tế cho thấy ở đâu có tôn giáo tổ chức và những tư tưởng được hệ thống hóa thành ý thức hệ ở đó có mâu thuẫn, đối nghịch xung đột ngầm ngầm hay công khai, đôi khi đưa đến chiến tranh khủng khiếp.

Trong một nước đa số nhân dân và các nhà chính trị có cái thấy tương tự nhau thì nhân dân nước đó có cuộc sống ổn định ấm no, đoàn kết, cùng chung sống trong thanh bình thịnh vượng. Nếu nhân dân trong nước đó bị các nhà chính trị điều kiện hóa bởi những cái thấy khác nhau thì xã hội luôn luôn bị xáo trộn.

Hiện nay Việt Nam là nơi hội tụ của những tư tưởng Đông Tây Kim Cổ, ý thức hệ và tôn giáo. Thực tế cho ta thấy với cái nhìn "*kiến bò miêng chén, gà què mèo ăn quẩn cối xay*", cái nhìn thiên kiến của các ý thức hệ và các tôn giáo đã và đang tạo thành ốc đảo trong gia đình trong lòng dân tộc đưa đến những xung đột. Cho nên việc khẩn thiết hiện nay, người Việt Nam cần thống nhất tri thức và tâm thức trong công cuộc thực hiện việc khai trí và khai tâm.

Trong phạm vi gia đình vợ chồng thấy, nhận biết khác nhau thì gia đình khó tránh những mâu thuẫn lung củng, thường dẫn tới sự tan vỡ. Nếu cái thấy của cả vợ chồng mà đồng thuận thì gia đình êm ấm hạnh phúc. Ông cha ta thường nhắc nhở: "thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn" để nói lên cái thấy đồng thuận của hai vợ chồng trong gia đình.

2. Sau khi ngộ đạo, thái tử Tất Đạt Đa chỉ dạy "cách nhìn trực tiếp đơn thuần" mà Tổ Tiên chúng ta đã sống trọn vẹn với cái thấy đó, trong nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước, hàng ngàn năm trước đó.

Khi được hỏi: Có cần ước muốn giải thoát mới được giải thoát không? Đức Phật trả lời: Dù không ước muốn giải thoát mà thực hành đúng vẫn được giải thoát. (Majjhima-nikaya). Nhưng thế nào là thực hành đúng? Đức Phật đã dạy: Thấy như thực thấy, nghe như thực nghe, xúc như thực xúc, biết như thực biết (con cóc nhảy ra thấy con cóc nhảy ra, con cóc ngồi đó thấy con cóc ngồi đó ..., sự, việc như thế nào thì thấy y như vậy).

Một vị tỳ kheo biết mình sắp lâm chung liền tinh tấn thực hành lời dạy đó của Phật và tự mình giác ngộ giải thoát hoàn toàn. (Sư Viên Minh, Thư Thầy Trò, trang 52).

Một hôm khác Bahiya, một tu sĩ được nhiều người đương thời kính trọng, cầu xin Phật thuyết pháp vấn tất thì ngài dạy: Nay Bahiya người cần học tập như sau: Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe. Trong cái thọ, tưởng...trong cái thức tri chỉ là cái thức tri. Như vậy đoạn tận khổ đau.

Lời dạy của đức Phật thật đơn giản, cụ thể và rõ ràng, đối tượng như thế nào, thấy nó y như vậy. Nó như vậy thì thấy như vậy (thấy như thực thấy, thấy như thị), tâm trí không có ý kiến gì về cái thấy nghĩa là không phê phán, không chọn lựa, không đánh giá, không so sánh, không can thiệp vào cái thấy, sự nhận biết.

Từ lời dạy đơn giản, cụ thể rõ ràng của đức Phật (thấy như thực thấy...trong cái thấy chỉ là cái thấy... ai thấy Duyên khởi là thấy Pháp, ai thấy Pháp là thấy Phật), nhưng các nhà sư lại thiết lập đủ

mọi trường phái, mọi tông phái. Đó là thời kỳ của tư tưởng tràn bờ, kéo dài hơn 600 năm. Tiếp theo Tiểu thừa và Đại thừa tranh luận, cãi vã ồn ào hơn 1000 năm tạo một cuộc khẩu chiến tưởng chừng như không bao giờ chấm dứt.

“Một đạo Phật như thật (thật tu, thật chứng) đã biến thành một loại triết học, triết lý cao siêu để lý luận rao bán như một món hàng tinh thần thượng đẳng” (Sư Viên Minh, Thực Tại Hiện Tiền, Trang 3).

Khoảng 1100 năm sau, Phật Niết Bàn Thiên tông Trung Hoa ra đời với tổ Bồ Đề Đạt Ma. Sau 6 vị tổ truyền thừa Y Bát, Thiên tông lại chia ra làm 5 phái: Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn, Qui Ngưỡng.

Về sau các vị thiên sư lại bày vẽ ra đủ mọi hình thức thiên định làm nơi trú ẩn cho những người chạy trốn thực tại (cuộc sống gia đình và xã hội đầy phiền toái) **trong những giờ thiên định**.

Họ tìm sự im lặng, an lạc ở trạng thái bất động của con thiên định xuất thần, chứ không phải sự im lặng, sự an lạc dung thông được tất cả mọi trạng thái xung đột, mâu thuẫn hay hổ tương của cuộc sống do nếp sống tĩnh thức tạo nên.

Những loại thiên này đều dựa trên lòng ham muốn, ý chí, và **sự mong cầu chứng đắc**. Các loại thiên này bao hàm mâu thuẫn, xung đột và phấn đấu để đạt mục tiêu đã vẽ ra (sự tĩnh lặng, an lạc, định, giác ngộ, v.v...).

Sự tính toán, sự phấn đấu có ý thức (chấp trước), với phương pháp hành thiên làm cho **tâm bị điều kiện hóa**. Tâm bị điều kiện hóa thì không hề có tự do; Tâm bị điều kiện hóa là rào cản cho việc phát triển tâm linh. Mọi nỗ lực, mọi cố gắng hành thiên với một phương pháp là phụ nhận thiên.

Thiên là buông xả, là **giải trừ tri kiến**. Thế mà thiên sư nào cũng viết hàng chục quyển sách về phương pháp thiên định của mình. Mở những lớp dạy thiên định, thuyết giảng nhồi nhét vào đầu của các thiên sinh những khái niệm về thiên định, những khái niệm về bộ não, về tánh giác làm mất đi tính vô cầu của thiên.

Bộ não, hệ thần kinh và cái ma chúng ta gọi là tâm là **một thể thống nhất không phân chia**. Việc hành thiên tự nhiên (sống tĩnh thức) là đem lại sự hoạt động hài hòa cho toàn thể (bộ não, hệ thần kinh, và tâm), chứ không phải phân tách chúng ra từng mảnh để tìm hiểu. Chia bộ não ra từng vùng và tách rời bộ não với hệ thần kinh và tâm, đồng thời kiềm chế bộ não bằng một phương pháp với kỹ thuật tri thức thì chỉ đem lại mâu thuẫn, xung đột trong miền sâu thẳm của tâm thức. Tất cả những thành tựu trong loại thiên định này chỉ là tự kỷ ám thị, nếu không muốn nói là do ảo giác hay một trạng thái bất động của một con thiên định xuất thần.

Bộ não, hệ thần kinh, tâm là một thể thống nhất như đóa hoa. Hương thơm, màu sắc, vẻ đẹp là toàn thể của đóa hoa. Tách những cánh hoa ra từng mảnh thật sự hay bằng lời hoặc ý nghĩ thì đóa hoa không còn, chỉ còn sự hồi tưởng về một cái gì đã là, chứ không phải là đóa hoa, cái đang là.

Thiên là nhận biết toàn thể đóa hoa đang là với vẻ đẹp và đời sống của nó.